

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 09-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Minh Thúy.
2. Ông Đinh Công Ó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 27/10/2022 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Văn A** (tên gọi khác: không), sinh ngày 19 tháng 8 năm 1969 tại huyện BV, thành phố HN; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá (học vấn): 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn H (đã chết) và bà Chu Thị M (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/01/2013, Công an huyện Phù Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức, lôi kéo, rủ rê người khác đánh bạc bằng hình thức phạt tiền (*đã nộp phạt xong và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính*); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022 đến ngày 07/9/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

2. **Vũ Thị B** (tên gọi khác: không), sinh ngày 09 tháng 02 năm 1981 tại huyện CG, tỉnh HD; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn

hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo có chồng là Đoàn Trọng B1 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 07/9/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

3. **Đinh Thị C** (tên gọi khác: không), sinh ngày 26 tháng 9 năm 1986 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Th, xã TT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1962 và bà Cẩm Thị S, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là Vì Văn H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

4. **Nguyễn Thị Hoa Đ** (tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 6 năm 1982 tại thành phố V, tỉnh NA; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hải L, sinh năm 1949; bị cáo có chồng là Đinh Hoài U và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Công D, sinh năm 1983 – Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phù Yên. Vắng mặt.

2. Ông Đinh Hoài U, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Bản K, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Lã Thị E, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Chị Cẩm Thị F, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản TP, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản CT, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

7. Anh Lò Văn I, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Bản BC, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi tạm trú: Nhà trọ BNH, Tổ Y, khu phố OD, phường TH, thị xã TU, tỉnh BD. Vắng mặt.

8. Chị Mùi Thị J, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản Ch, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

9. Anh Lê Anh K, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản CT, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản CT, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

11. Chị Lò Thị M, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản M1, phường CH, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

12. Chị Lò Thị N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản PL, xã HB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

13. Anh Hoàng Văn O, sinh năm 1988. Nơi thường trú: Bản CT, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1962. Nơi đăng ký HKTT: Tổ Y, phường ĐX, thành phố PY, tỉnh VP; Nơi tạm trú: Bản Ch, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

15. Chị Đinh Thị P, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản PL, xã HB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

16. Chị Hà Thị Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản NP, xã HB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

17. Chị Lò Thị R, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản B1, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

18. Anh Lê Mạnh S, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tiểu khu Y, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

19. Anh Trịnh Thanh T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

20. Ông Lê Ngọc U sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tiểu khu Y, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

21. Anh Lò Văn V, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản M, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/6/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên nhận được đơn trình báo của Nguyễn Thị Hoa Đ với nội dung tố giác hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phùng Văn A. Quá trình điều tra xác định: Phùng Văn A mở hiệu cho thuê xe máy, cầm đồ tại nhà của A thuộc địa phận Tiểu khu X, thị

trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Trong các đối tượng đến vay tiền của A, có Nguyễn Thị Hoa Đ sử dụng giấy tờ vay là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nhãn hiệu Vinfast Fadil, BKS: 26A - 105.26 mang tên chồng là Đinh Hoài U' để cầm cố vay tiền của Phùng Văn A với tổng số tiền 200.000.000 đồng và Lã Thị E với số tiền 250.000.000 đồng. Mở rộng điều tra, khai thác các dữ liệu trên điện thoại của Phùng Văn A xác định được A cùng với Vũ Thị B, Đinh Thị C có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định được cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Hoa Đ và chồng là ông Đinh Hoài U' mua trả góp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng thông qua Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank, sau đó đăng ký xe mang tên Đinh Hoài U', xe có gắn biển kiểm soát 26A-105.26 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 03/7/2020. Do chưa thanh toán đủ tiền nên giấy tờ gốc của xe hiện do Ngân hàng giữ. Khoảng tháng 9/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Đ nảy sinh ý định đặt mua giấy tờ giả của chiếc xe ô tô đi thế chấp để vay tiền. Thông qua mạng xã hội Facebook, Đ đã đặt mua được 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Đinh Hoài U', BKS: 26A - 105.26 với giá 6.000.000 đồng, giống với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sơn La đã cấp cho chiếc xe mà vợ chồng Đ mua, Đ nhận giấy giả qua nhân viên giao hàng (Đ không biết tên và rõ địa chỉ). Ngày 13/10/2020, Đ sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến nhà Phùng Văn A để thế chấp vay số tiền 200.000.000 đồng. A và Đ ký hợp đồng tín dụng với nội dung Đ vay của A số tiền 200.000.000 đồng với tài sản thế chấp là giấy tờ chiếc xe ô tô BKS: 26A - 105.26 dưới danh nghĩa là hợp đồng mua bán, rồi cho thuê lại xe ô tô, với tiền thuê xe bằng chính mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm). Sau khi lập xong hợp đồng, Đ nói mang hồ sơ về để cho chồng là anh Đinh Hoài U' ký. Nhưng thực chất là Đ tự ký tên và ghi tên anh Đinh Hoài U' với mục đích không để anh U' biết việc Đ vay tiền của A. Sau đó, Đ và A đi chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Còn 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Đ tiếp tục thế chấp để vay của Lã Thị E với số tiền 250.000.000 đồng. Từ ngày 13/10/2020 đến ngày 24/12/2020 (73 ngày), Đ đã trả lãi cho A bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 16610000064961 của Đ đến số tài khoản 41110000600894 của A tất cả 04 lần với tổng số tiền 59.200.000 đồng cụ thể: lần 1 ngày 13/10/2020 số tiền 4.200.000 đồng; lần 2 ngày 28/11/2020 số tiền 15.000.000 đồng; lần 3 ngày 08/12/2020 số tiền 20.000.000 đồng và lần 4 ngày 24/12/2020 số tiền 20.000.000 đồng; tương ứng với mức lãi suất 148%/năm (gấp 7,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự), A đã thu lợi bất chính số tiền 51.200.000 đồng. Từ ngày 24/12/2020, Đ đã nhiều lần

thanh toán tiền gốc và lãi cho A với hình thức trả tiền mặt, tuy nhiên, không xác định được thời điểm, số tiền cụ thể, do không có tài liệu thể hiện. Đến ngày 27/3/2022, Đ đã viết giấy chốt nợ với A là 190.000.000 đồng. Do A tiếp tục tính lãi suất quá cao nên ngày 15/6/2022 Đ đã viết đơn tố giác hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phùng Văn A đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên.

Mở rộng điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên khám xét khẩn cấp nhà ở của Phùng Văn A và tạm giữ: 12 bộ hồ sơ và 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền của Phùng Văn A bằng hình thức thế chấp tài sản hoặc giấy tờ tùy thân.

Đối với 12 người vay tiền có giấy tờ thế chấp cụ thể như sau:

(1). Cẩm Thị F sử dụng Đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 7.000.000 đồng.

(2). Hoàng Văn G sử dụng Đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 2.000.000 đồng.

(3). Nguyễn Thị Năm sử dụng Thẻ căn cước công dân để thế chấp vay số tiền 28.600.000 đồng.

(4). Lò Văn I sử dụng Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 5.000.000 đồng.

(5). Mùi Thị J sử dụng Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 3.000.000 đồng.

(6). Lê Anh K sử dụng Thẻ căn cước công dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 2.500.000 đồng.

(7). Nguyễn Văn L sử dụng Thẻ căn cước công dân để thế chấp vay số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó L tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 6.700.000 đồng.

(8). Lò Thị M sử dụng Giấy phép lái xe và Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy để thế chấp vay số tiền 25.000.000 đồng.

(9). Lò Thị N sử dụng Giấy chứng minh nhân dân để thế chấp vay số tiền 15.000.000 đồng.

(10). Hoàng Văn O sử dụng Thẻ căn cước công dân để thế chấp vay số tiền 2.000.000 đồng.

(11). Nguyễn Quang P lập khế ước vay tiền với A để vay số tiền 900.000.000 đồng.

(12). Đinh Thị P và Hà Thị Q sử dụng Thẻ căn cước công dân để thế chấp cùng vay số tiền 10.000.000 đồng.

Trong quyển sổ theo dõi các khoản vay của A có ghi tên 04 người vay tiền gồm:

(1). Lò Thị R vay số tiền 52.700.000 đồng.

(2). Lê Mạnh S vay số tiền 70.000.000 đồng.

(3). Trịnh Thanh T vay số tiền 45.000.000 đồng.

(4). Lê Ngọc U vay số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền 16 trường hợp này vay của A là **1.171.500.000 đồng**. Quá trình điều tra, Phùng Văn A tự giác giao nộp thêm các tài liệu: 01 hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 13/10/2020, có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 13/10/2020 có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 15/7/2021 có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 15/7/2021 có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 giấy xác nhận nợ lập ngày 05/6/2021, người viết giấy là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 giấy nhận tiền lập ngày 16/7/2021, số tiền nhận là 260.000.000 đồng giữa Phùng Văn A và Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 giấy vay tiền mặt lập ngày 22/5/2021 bao gồm giữa Phùng Văn A và Nguyễn Thị Hoa Đ với số tiền vay là 260.000.000 đồng; 01 tờ giấy hẹn nợ lập ngày 27/01/2022, số tiền là 190.000.000 đồng, người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 tờ giấy hẹn nợ lập ngày 27/3/2022, số tiền là 190.000.000 đồng, người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022337, mang tên chủ xe Đinh Hoài U, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Vinfast Fadil, biển số đăng ký 26A - 105.26 cấp ngày 03/7/2020; 01 giấy đăng kiểm xe ô tô mang biển kiểm soát 26A - 105.26 cấp ngày 04/7/2020; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71, màu xanh, bên trong có lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao 0363.891.969 và 0353.591.969 của Phùng Văn A.

Ngày 28/6/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra các Quyết định trưng cầu giám định số 107/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022337, mang tên chủ xe Đinh Hoài U, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Vinfast Fadil, biển số đăng ký 26A - 105.26 cấp ngày 03/7/2020 tạm giữ của Phùng Văn A là thật hay giả. Quyết định số 108/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết, chữ ký theo yêu cầu.

Tại Bản kết luận giám định số: 1219/KL-KTHS ngày 12/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô gửi giám định là giả”*.

Tại Bản kết luận giám định số 1248/KL-KTHS kết luận:

“ + Chữ viết, chữ ký mang tên Đinh Hoài U dưới mục “Bên A”, “Đại diện bên B”, “Chồng” trên mẫu cần giám định “Hợp đồng mua bán xe ô tô, đề ngày 13/10/2020”, “Hợp đồng thuê phương tiện, đề ngày 13/10/2020”, “Giấy vay tiền mặt, đề ngày 25/5/2021” so với chữ ký, chữ viết của Đinh Hoài U trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Các chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh (theo nội dung trưng cầu giám định còn lại) đều là do cùng một người ký, viết ra”.

Chữ ký, chữ viết mang tên Đinh Hoài U' trên các tài liệu lập ngày 13/10/2022 và 25/5/2021 là do Nguyễn Thị Hoa Đ ký, viết ra.

- Mở rộng điều tra vụ án, khai thác các dữ liệu trên điện thoại của Phùng Văn A xác định có Vũ Thị B có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề và chuyển bảng lô, đề cho A. Qua khai thác dữ liệu điện tử trên điện thoại của B xác định có Đinh Thị C và Lò Văn V có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lô, đề với Vũ Thị B.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 2015, màu xanh, bên trong có 01 sim điện thoại có số thuê bao 0358.368.081; 02 quyển sổ màu hồng ghi chép việc chuyển bảng lô đề và thông tin những người vay tiền (thu giữ của Vũ Thị B). 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y15s, màu xanh, bên trong có 02 sim điện thoại có số thuê bao 0349.095.743 và 0365.715.184 (thu giữ của Đinh Thị C). 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Star, màu xanh dương, bên trong có 02 sim điện thoại có số thuê bao 0986.138.618 và 0345.125.826; 01 tờ giấy khổ A4 ghi các số tự nhiên là bảng lô đề ngày 14/6/2022 (thu giữ của Lò Văn V).

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng đầu tháng 6/2022, Phùng Văn A và Vũ Thị B thỏa thuận với nhau về việc B làm thư ký đề và chuyển bảng đề cho A để được hưởng tiền hoa hồng là 15% số tiền đề, lô xiên và 500 đồng/01 điểm lô. Hàng ngày B sẽ chuyển bảng đề cho A và thanh toán với nhau vào ngày hôm sau, sau khi có kết quả mở thưởng xổ số Miền bắc hàng ngày. Kết quả số đề dựa vào hai số cuối cùng của giải đặc biệt, tỷ lệ cược là 1 ăn 70; số lô dựa vào hai số cuối của 27 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, 01 điểm lô là 23.000 đồng, nếu trúng sẽ được trả 80.000 đồng. Sau đó, B tiếp tục có thỏa thuận với Lò Văn V về việc V làm thư ký đề cho A qua trung gian là B. V sẽ được hưởng tiền hoa hồng là 25% số tiền đề, lô xiên và 500 đồng/01 điểm lô ghi được. Hình thức chuyển bảng đề là chụp ảnh rồi gửi qua tài khoản Zalo. A sau khi nhận bảng đề của B thì không chuyển cho ai khác mà tự tính toán thắng, thua.

Kết quả điều tra đã xác định được hành vi đánh bạc của các bị cáo trong ngày 13 và 14/6/2022, các bị cáo khai nhận hành vi cụ thể như sau:

+ Ngày 13/6/2022: Vũ Thị B đã chuyển bảng đề cho Phùng Văn A với tổng số tiền trên bảng lô đề là 10.130.000 đồng. Trong tổng số tiền này có cả số tiền C mua với B, bảng đề của Lò Văn V chuyển cho B và của nhiều người chơi khác ghi với B nhưng không xác định được cụ thể. So sánh với kết quả Xổ số Miền bắc ngày 13/6/2022 thì có số đề 27 trúng 4.000 đồng x 70 = 280.000 đồng, số lô 19 trúng 5 điểm x 80 = 400.000 đồng, số lô 46 trúng 30 điểm x 80 = 2.400.000 đồng. Tổng số tiền trúng lô đề là 3.080.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa B và A ngày 13/6/2022 là 10.130.000 đồng + 3.080.000 đồng = 13.210.000 đồng.

Đinh Thị C đã mua số lô, số đề với B với tổng số tiền là 4.260.000 đồng. So sánh với kết quả Xổ số Miền bắc ngày 13/6/2022 thì số lô 46 trúng 30 điểm x 80

= 2.400.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa B và C ngày 13/6/2022 là 4.260.000 đồng + 2.400.000 đồng = 6.660.000 đồng.

Lò Văn V (là thư ký đề) đã ghi được của nhiều người chơi không xác định được rồi tổng hợp bảng đề chuyển cho B. Tổng số tiền trong bảng đề ngày 13/6/2022 V chuyển cho B là 906.000 đồng. So sánh với kết quả Xổ số Miền bắc ngày 13/6/2022 thì số đề 27 trúng 4.000 đồng x 70 = 280.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa B và V ngày 13/6/2022 là 906.000 đồng + 280.000 đồng = 1.186.000 đồng.

Như vậy, ngày 13/6/2022 Phùng Văn A và Vũ Thị B thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức được thua bằng tiền (bán số lô, số đề) với tổng số tiền đánh bạc là 13.210.000 đồng và Đinh Thị C là 6.660.000 đồng.

+ Ngày 14/6/2022: Vũ Thị B đã chuyển bảng đề cho Phùng Văn A với tổng số tiền trên bảng đề là 1.443.000 đồng. Trong tổng số tiền này có cả số tiền trong bảng đề của Lò Văn V chuyển cho B và của nhiều người chơi khác ghi với B nhưng không xác định được cụ thể. So sánh với kết quả Xổ số miền Bắc ngày 14/6/2022 thì số tiền trúng là 2.900.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa B và A ngày 14/6/2022 là 4.343.000 đồng. Lò Văn V đã ghi được của nhiều người chơi không xác định được rồi tổng hợp bảng đề chuyển cho B. Tổng số tiền trong bảng đề ngày 14/6/2022 V chuyển cho B là 799.000 đồng. So sánh với kết quả Xổ số Miền bắc ngày 14/6/2022 thì số tiền trúng là 2.100.000 đồng. Số tiền đánh bạc giữa B và V ngày 13/6/2022 là 2.899.000 đồng.

Như vậy, số tiền đánh bạc của Phùng Văn A và Vũ Thị B trong ngày 14/6/2022 là 4.343.000 đồng; Lò Văn V là 2.899.000 đồng. Tổng số tiền hoa hồng B được hưởng lợi trong 02 ngày 13 và 14/6/2022 từ A là 292.000 đồng. V được hưởng lợi 371.000 đồng từ A thông qua trung gian là B.

Ngày 28/6/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 109/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với những chiếc điện thoại tạm giữ của Phùng Văn A (ký hiệu A), Vũ Thị B (ký hiệu B), Đinh Thị C (ký hiệu C), Lò Văn V (ký hiệu D).

Tại Bản kết luận giám định số: 1175 ngày 04/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Không khôi phục được dữ liệu trong ứng dụng Zalo của các mẫu A, B, C, D. Trích xuất được dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo của các mẫu A, B, D từ ngày 13/6/2022 đến ngày 14/6/2022 và của mẫu C trong ngày 13/6/2022”. Tiến hành kiểm tra các bản ảnh mà Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La trích xuất xác định: Có nội dung liên quan đến việc mua, bán số lô, số đề và đã có trong các biên bản kiểm tra điện thoại của Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên lập ngày 16/6/2022.

Ngày 06/10/2022 bị cáo Vũ Thị B nộp 1.420.000 đồng, ngày 10/10/2022 nộp 72.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, tổng cộng số tiền B nộp là 1.492.000 đồng.

Ngày 19/9/2022 bị cáo Vũ Thị B nộp thay cho bị cáo Phùng Văn A 62.110.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố bị cáo Phùng Văn A về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự và tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Vũ Thị B và Đinh Thị C về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ G quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn A từ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn A phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn A từ 24 (Hai bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị B từ 16 (Mười sáu) đến 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Thị C từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho UBND xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu đối với bị cáo Đinh Thị C số tiền thu lời bất chính là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) .

- Truy thu đối với anh Lò Văn V tiền thu lời bất chính là 2.751.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Ghi nhận việc bị cáo Phùng Văn A đã nộp ngân sách nhà nước các khoản tiền sau: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) khoản tiền vay gốc; 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; 4.930.000đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) khoản tiền hưởng lợi từ việc đánh bạc.

Ghi nhận bị cáo Phùng Văn A đã trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/năm cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ số tiền 39.180.000đ (Ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền 51.200.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Được trừ vào số tiền 62.110.000 đồng bị cáo Vũ Thị B nộp thay bị cáo Phùng Văn A tại chi cục Thi hành án Dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2021/0000428 ngày 19/9/2022.

Buộc bị cáo Phùng Văn A còn phải tiếp tục trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/năm cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ là 12.020.000đ (Mười hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ để nộp ngân sách nhà nước khoản tiền vay gốc là 150.820.000đ (Một trăm năm mươi triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên Bán (bên A) là ông Đinh Hoài U', bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A, có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U', có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên bán (bên A) là ông Đinh Hoài U' và bà Nguyễn Thị Hoa Đ, bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A, có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U', có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên. 01 (một) giấy xác nhận nợ lập ngày 05/6/2021, người viết giấy Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) giấy nhận tiền lập ngày 16/7/2021, số tiền nhận là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/01/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/3/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) Giấy vay tiền mặt lập ngày 22/5/2021 bao gồm bên A (bên cho vay) là ông Phùng Văn A, bên B (bên vay) là Nguyễn Thị Hoa Đ, số tiền vay là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022337, mang tên chủ xe Đinh Hoài U', loại

xe ô tô con, nhãn hiệu Vinfast Fadil, biển số đăng ký 26A-105.26 cấp ngày 03/7/2020.

Trả lại cho ông Đinh Hoài U: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô mang biển kiểm soát 26A-105.26 cấp ngày 04/7/2020.

Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu xanh, số IMEI 1: 353408118254661, IMEI 2: 353409118254669, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0363891969, số seri 8984048000028161813, sim 2 mang số thuê bao 0353591969, số seri 8984048000301326218, điện thoại cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Phùng Văn A, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Trả lại cho bị cáo Phùng Văn A: 12 (Mười hai) bộ hồ sơ cho vay và 01 quyền sở theo dõi các khoản vay, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phùng Văn A, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh, số IMEI 1: 864739049083999, IMEI 2: 86473904083981, gắn 01 sim mang số thuê bao 0358368081, seri sim 8984048000056187975, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vũ Thị B, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) quyền sở bìa màu hồng tạm giữ của Vũ Thị B.

Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, màu xanh, số IMEI 1: 867251053524980, IMEI 2: 867251053524998, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0349095743, số seri 8984048000011508125, sim 2 mang số thuê bao 0365715184, số seri 8984048000018313683, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Đinh Thị C, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy A4 ghi các số tự nhiên là bảng lô, đề bán được ngày 14/6/2022 tạm giữ của Lò Văn V, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star5, màu xanh dương, số IMEI 1: 358877982013350, IMEI 2: 358877982013368, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0986138618, số seri 8984048000330269865, sim 2 mang số thuê bao 0345125826, số seri 8984048000331869948, điện thoại cũ, đã qua sử dụng cho anh Lò Văn V quản lý, sử dụng, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 21 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phùng Văn A, Vũ Thị B, Nguyễn Thị Hoa Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Buộc các bị cáo Phùng Văn A,

Nguyễn Thị Hoa Đ và anh Lò Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Thị C.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra và phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; bản tự khai; biên bản khám xét; bản thống kê những đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; các biên bản làm việc về nội dung kiểm tra điện thoại của các bị cáo; biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; các kết luận giám định; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

- Từ ngày 13/10/2020 đến ngày 24/12/2020 tại hiệu cho thuê xe máy, cầm đồ tại nhà của A, Phùng Văn A có hành vi cho Nguyễn Thị Hoa Đ vay

200.000.000 đồng với lãi suất gấp 7,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lời bất chính 51.200.000 đồng.

- Ngày 13/10/2022, Nguyễn Thị Hoa Đ sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để thế chấp vay của Phùng Văn A số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ ngày 13/10/2020 đến ngày 24/12/2020 (73 ngày), sau khi vay tiền Đ đã nhiều lần chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng để trả tiền lãi cho A với tổng số tiền là 59.200.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 148%/năm.

- Ngày 13/6/2022, Phùng Văn A, Vũ Thị B và Đinh Thị C đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Số tiền đánh bạc giữa A và B là 13.210.000 đồng. Đinh Thị C đánh bạc với B là 6.660.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phùng Văn A đã đủ yếu tố cấu thành các tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm và tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

Hành vi của các bị cáo Vũ Thị B, Đinh Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phân hóa vai trò phạm tội đối với hành vi đánh bạc: Quá trình đánh bạc các bị cáo Phùng Văn A, Vũ Thị B, Đinh Thị C không có sự phân công, bàn bạc với nhau mà cùng nhau đánh bạc, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần xem xét mức độ phạm tội của từng bị cáo để có một mức án phù hợp, tương xứng với mỗi hành vi của từng bị cáo gây ra.

Bị cáo Phùng Văn A là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc mua bán trái phép số lô, đề nên giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Vũ Thị B, Đinh Thị C cũng tự thống nhất, tự nguyện và trực tiếp thực hiện việc mua bán trái phép số lô, đề do đó là đồng phạm trong vụ án với vai trò thực hành. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo A đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn E thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Hành vi phạm tội của bị cáo B và bị cáo C đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội tại địa phương

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần bị xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo A, B đã tích cực khắc phục hậu quả sau khi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Thị B có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất và chú ruột là Liệt sĩ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của các bị cáo: các bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo A đã được xóa tiền sự; bị cáo B, C, Đ chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, có đơn bảo lãnh xin được cải tạo giáo dục tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận. Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để các bị cáo có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo A từ ngày 15/6/2022 đến ngày 07/9/2022 và bị cáo B từ ngày 16/6/2022 đến ngày 07/9/2022 sẽ được khấu trừ sau khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị, không có thu nhập ổn định. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

[5.1] Đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng bị cáo A cho Đ vay, là phương tiện phạm tội, cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước, trong đó truy thu đối với Nguyễn Thị Hoa Đ số tiền 190.000.000 đồng Đ đã vay (nhưng chưa trả A) để nộp Ngân sách Nhà nước và truy thu bị cáo Phùng Văn A số tiền 10.000.000 đồng là tiền vay gốc mà Đ đã trả cho A.

Số tiền lãi bị cáo A đã thu của Đ tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 8.000.000 đồng tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cần truy thu của A để nộp Ngân sách nhà nước.

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền 51.200.000 đồng bị cáo A thu lợi bất chính của người vay nên cần trả lại cho người vay là bị cáo Đ.

[5.2] Đối với số tiền tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền trả thưởng thắng bạc, số tiền thỏa thuận hưởng phần trăm hoa hồng vào các ngày 13/6/2022 và 14/6/2022 chưa thu giữ được. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định các bị cáo đã chi tiêu cá nhân và trả thưởng cho người chơi, các bị cáo không biết họ tên và địa chỉ người chơi nên không tiến hành thu giữ được. Do đó, cần truy thu số tiền trên đối với các bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- Tịch thu đối với bị cáo Vũ Thị B số tiền 1.492.000 đồng trong đó có 292.000 đồng là tiền phần trăm hoa hồng và tiền 1.200.000 đồng là tiền trả thưởng cho khách. Vũ Thị B đã nộp đủ số tiền trên tại chi cục Thi hành án Dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo các biên lai thu số: AA/2021/0000436 ngày 06/10/2022 và biên lai thu số: AA/2021/0000437 ngày 10/10/2022.

- Truy thu đối với bị cáo Đinh Thị C số tiền 2.400.000 đồng là tiền C trúng thưởng ngày 13/6/2022.

- Truy thu đối với bị cáo Phùng Văn A số tiền 4.930.000 đồng là tiền hưởng lợi từ việc đánh bạc.

- Truy thu đối với Lò Văn V số tiền 2.751.000 đồng, trong đó có 371.000 đồng là tiền phần trăm hoa hồng và tiền 2.380.000 đồng là tiền trả thưởng cho khách.

[5.3] - Đối với số tiền 62.110.000 đồng mà bị cáo Vũ Thị B nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2021/0000428 ngày 19/9/2022 là số tiền của bị cáo Phùng Văn A nhờ bị cáo B nộp thay, tại phiên tòa bị cáo A xác định, mục đích nộp khoản tiền trên để khấu trừ vào các khoản tiền thu nộp cho Ngân sách nhà nước và số tiền bị cáo phải trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ cụ thể như sau: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc bị cáo Đ đã trả cho bị cáo A; 8.000.000 đồng là số tiền bị cáo A đã thu tiền lãi

của bị cáo Đ tương ứng với lãi suất 20%/năm; 4.930.000 đồng là tiền hưởng lợi từ việc đánh bạc, số còn lại là 39.180.000 đồng khấu trừ vào số tiền 51.200.000 đồng là số tiền vượt quá lãi suất 20%/năm cho bị cáo Đ. Bị cáo Phùng Văn A tiếp tục có trách nhiệm phải trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ số tiền 12.020.000 đồng.

- Đối với việc bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền vay gốc là 190.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí khấu trừ số tiền 39.180.000 đồng của bị cáo Phùng Văn A trả cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ tiếp tục có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 150.820.000 đồng.

[5.4] Đối với: 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên Bán (bên A) là ông Đinh Hoài U', bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U'; 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên bán (bên A) là ông Đinh Hoài U' và bà Nguyễn Thị Hoa Đ, bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U'; xét thấy đều là những tài liệu, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng. Do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với: 01 (một) giấy xác nhận nợ lập ngày 05/6/2021; 01 (một) giấy nhận tiền lập ngày 16/7/2021, số tiền nhận là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/01/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng); 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/3/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng); 01 (một) Giấy vay tiền mặt lập ngày 22/5/2021 bao gồm bên A (bên cho vay) là ông Phùng Văn A, bên B (bên vay) là Nguyễn Thị Hoa Đ, số tiền vay là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là những tài liệu giao dịch dân sự bất hợp pháp, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng. Do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022337, mang tên chủ xe Đinh Hoài U', loại xe ô tô con, nhãn hiệu Vinfast Fadil, biển số đăng ký 26A-105.26 cấp ngày 03/7/2020 là giấy tờ giả, không giá trị sử dụng, cấm lưu hành. Do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô mang biển kiểm soát 26A-105.26 cấp ngày 04/7/2020 là giấy tờ xe hợp pháp của ông Đinh Hoài U', ông U' không biết, không liên quan đến việc bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội. Do đó cần trả lại cho ông Đinh Hoài U' quản lý, sử dụng.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 gắn 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Phùng Văn A. Xét thấy, chiếc điện thoại và sim số là tài sản hợp pháp của bị cáo đã sử dụng làm công cụ,

phương tiện vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước. Được đựng trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Đối với: 12 bộ hồ sơ cho vay và 01 quyển sổ theo dõi các khoản vay, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phùng Văn A. Xét thấy 12 bộ hồ sơ và 01 quyển sổ theo dõi là giấy tờ, sổ sách hợp pháp của bị cáo, thể hiện giao dịch dân sự vay tiền không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả cho bị cáo A quản lý, sử dụng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 2015 màu xanh gắn 01 sim số, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vũ Thị B. Xét thấy, chiếc điện thoại và sim số là tài sản hợp pháp của bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với 02 (hai) quyển sổ bì màu hồng tạm giữ của Vũ Thị B là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo, không có giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, màu xanh gắn 02 sim số, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Đinh Thị C. Xét thấy, chiếc điện thoại và sim số là tài sản hợp pháp của bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star5 màu xanh dương gắn 02 sim, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của anh Lò Văn V. Xét thấy, chiếc điện thoại và sim số là tài sản hợp pháp của anh V đã sử dụng vào việc mua, bán trái phép số lô số đề nhưng số tiền đánh bạc của anh V trong ngày 13 và ngày 14/6/2022 dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó cần trả lại cho anh Lò Văn V quản lý, sử dụng.

Đối với 01 (một) tờ giấy A4 ghi các số tự nhiên là bảng lô, đề bán được ngày 14/6/2022 tạm giữ của anh Lò Văn V. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không có giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu, tiêu hủy.

Ngày 12/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã trả lại cho chị Lò Thị M 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Lò Thị M và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Mai. (Là tài sản tạm giữ trong số 12 bộ hồ sơ vay tiền). Việc giải quyết là phù hợp, cần chấp nhận.

[6] Đối với ông Đinh Hoài Ư là chồng của bị cáo Đ. Việc Đ đặt mua và sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để thực hiện hành vi phạm tội. Ông Ư không được biết và không được bàn bạc, chữ ký trong các giấy tờ là do Đ tự ký và viết. Đến ngày 15/7/2021, khi lập hợp đồng mua bán xe mới để hợp thức hóa khoản vay của bị cáo Đ, ông Ư mới biết hành vi phạm tội của bị cáo và đồng ý ký vào hợp đồng mua bán xe để hợp thức hóa. Ông Ư không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đã khởi tố bị cáo Đ về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên cơ quan điều tra không xem xét hành vi giả mạo chữ ký ông Ư

của bị cáo. Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên không đề cập đến việc giải quyết đối với hành vi của ông U' và bị cáo Đ.

Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo Đ đối với chị Lã Thị E để thế chấp vay mượn tiền 250.000.000 đồng. Quá trình điều tra không thu giữ được giấy tờ giả trên, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý hành vi của bị cáo và chị Lã Thị E. Do đó không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với việc bị cáo A thế chấp nhà ở để vay Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phù Yên số tiền 2.800.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phù Yên không biết việc bị cáo A dùng số tiền đó cho Đ vay. Hiện nay, bị cáo A đã thanh toán đủ khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 15442 ngày 28/12/2021 và Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phù Yên không đề nghị giải quyết việc vay nợ với bị cáo A nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với 16 người vay tiền của A đã xác minh qua giấy vay tiền, sổ ghi chép tạm giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của A, chỉ có chị Lò Thị M và Lê Mạnh S đã trả hết số tiền vay, những người còn lại chưa trả nợ gốc hoặc trả một phần. Không có đủ căn cứ xác định bị cáo A được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những người này. Do đó không đề cập đến việc giải quyết. Ngày 05/8/2022, Công an huyện Phù Yên đã quyết định xử phạt hành chính đối với các cá nhân trên về hành vi *“Thế chấp, cầm cố, nhận cầm cố Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân”, “Mượn thẻ Căn cước công dân để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật” và “Cho mượn thẻ Căn cước công dân để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật”...* là phù hợp, cần chấp nhận.

Số tiền đánh bạc của bị cáo A, bị cáo B trong ngày 14/6/2022 dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, ngày 06/9/2022, Công an huyện Phù Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm Phùng Văn A, Vũ Thị B về hành vi đánh bạc trong ngày 14/6/2022 là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Nên không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với Lò Văn V, số tiền đánh bạc của V trong ngày 13 và ngày 14/6/2022 dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. V chưa có tiền án, tiền sự, Công an huyện Phù Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm Lò Văn V về hành vi đánh bạc trong ngày 13/6/2022 và 14/6/2022 là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Nên không đề cập đến việc giải quyết.

[7] Các bị cáo Phùng Văn A, Vũ Thị B, Nguyễn Thị Hoa Đ, mỗi bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đinh Thị C được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo.

Bị cáo Phùng Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền 12.020.000 đồng mà bị cáo phải có trách nhiệm trả cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ, là 601.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền 150.820.000 đồng mà bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, là 7.541.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền thu lời bất chính từ việc đánh bạc là 2.751.000 đồng mà anh phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, là 300.000 đồng.

- Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn A phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn A 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn A phạm tội Đánh bạc. Xử phạt bị cáo Phùng Văn A 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ 85 ngày tạm giam, tạm giữ (quy đổi thành 8 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 21 (Hai mươi một) tháng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị B phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị B 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ 84 ngày tạm giam, tạm giữ (quy đổi thành 8 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị C 16 (Mười Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Giao bị cáo Phùng Văn A, Vũ Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Đinh Thị C cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Ghi nhận việc bị cáo Phùng Văn A đã nộp ngân sách nhà nước các khoản tiền sau: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) khoản tiền vay gốc; 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; 4.930.000đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) khoản tiền hưởng lợi từ việc đánh bạc.

Ghi nhận bị cáo Phùng Văn A đã trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/năm cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ số tiền 39.180.000đ (Ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền 51.200.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Được trừ vào số tiền 62.110.000 đồng bị cáo Vũ Thị B nộp thay bị cáo Phùng Văn A tại chi cục Thi hành án Dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2021/0000428 ngày 19/9/2022.

Buộc bị cáo Phùng Văn A còn phải tiếp tục trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/năm cho bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ là 12.020.000đ (Mười hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ để nộp ngân sách nhà nước khoản tiền vay gốc là 150.820.000đ (Một trăm năm mươi triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị B số tiền 1.492.000 đồng trong đó có 292.000 đồng là tiền phần trăm hoa hồng và tiền 1.200.000 đồng là tiền trả thưởng cho khách. Vũ Thị B đã nộp đủ số tiền trên tại chi cục Thi hành án Dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo các biên lai thu số: AA/2021/0000436 ngày 06/10/2022 và biên lai thu số: AA/2021/0000437 ngày 10/10/2022.

- Truy thu đối với bị cáo Đinh Thị C số tiền thu lời bất chính là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) .

- Truy thu đối với anh Lò Văn V tiền thu lời bất chính là 2.751.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên Bán (bên A) là ông Đinh Hoài U', bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A, có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 13/10/2020 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U', có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên bán (bên A) là ông Đinh Hoài U' và bà Nguyễn Thị Hoa Đ, bên mua (bên B) là ông Phùng Văn A, có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên; 01 (một) hợp đồng thuê phương tiện lập ngày 15/7/2021 bao gồm bên cho thuê (bên A) là ông Phùng Văn A và bên thuê (bên B) là ông Đinh Hoài U', có chứng thực chữ ký của UBND thị trấn Phù Yên. 01 (một) giấy xác nhận nợ lập ngày 05/6/2021, người viết giấy Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) giấy nhận tiền lập ngày 16/7/2021, số tiền nhận là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng); 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/01/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) Giấy hẹn nợ lập ngày 27/3/2022, số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), người hẹn là Nguyễn Thị Hoa Đ; 01 (một) Giấy vay tiền mặt lập ngày 22/5/2021 bao gồm bên A (bên cho vay) là ông Phùng Văn A, bên B (bên vay) là Nguyễn Thị Hoa Đ, số tiền vay là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022337, mang tên chủ xe Đinh Hoài U', loại xe ô tô con, nhãn hiệu Vinfast Fadil, biển số đăng ký 26A-105.26 cấp ngày 03/7/2020.

- Trả lại cho ông Đinh Hoài U': 01 (một) Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô mang biển kiểm soát 26A-105.26 cấp ngày 04/7/2020.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu xanh, số IMEI 1: 353408118254661, IMEI 2: 353409118254669, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0363891969, số seri 8984048000028161813, sim 2 mang số thuê bao 0353591969, số seri 8984048000301326218, điện thoại cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Phùng Văn A, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Trả lại cho bị cáo Phùng Văn A: 12 (Mười hai) bộ hồ sơ cho vay và 01 quyền sở theo dõi các khoản vay, tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phùng Văn A, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh, số IMEI 1: 864739049083999, IMEI 2: 86473904083981, gắn 01 sim mang số thuê bao 0358368081, seri sim 8984048000056187975, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vũ Thị B, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) quyền sở bìa màu hồng tạm giữ của Vũ Thị B.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, màu xanh, số IMEI 1: 867251053524980, IMEI 2: 867251053524998, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0349095743, số seri 8984048000011508125, sim 2 mang số thuê bao 0365715184, số seri 8984048000018313683, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Đinh Thị C, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy A4 ghi các số tự nhiên là bảng lô, đề bán được ngày 14/6/2022 tạm giữ của Lò Văn V, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star5, màu xanh dương, số IMEI 1: 358877982013350, IMEI 2: 358877982013368, gắn 02 sim, sim 1 mang số thuê bao 0986138618, số seri 8984048000330269865, sim 2 mang số thuê bao 0345125826, số seri 8984048000331869948, điện thoại cũ, đã qua sử dụng cho anh Lò Văn V quản lý, sử dụng, trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 01/BB-GNVC ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phùng Văn A, Vũ Thị B, Nguyễn Thị Hoa Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Phùng Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 601.000đ (Sáu trăm linh một nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Thị Hoa Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.541.000đ (Bảy triệu, năm trăm bốn một nghìn đồng).

Buộc anh Lò Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Thị C.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Đức